

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/DS-PT

Ngày 05/9/2022

V/v “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.
Các Thẩm phán: Ông Trần Đình Quảng.
Bà Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Ông Ngô Văn Hùng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DSST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2022/QĐ-PT ngày 04/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 113/2022/QĐ-PT ngày 24/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Minh Đ. Sinh năm 1969; địa chỉ: Số 41 đường T, phường H, quận H, thành phố Đ. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích D. Sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn D 1, xã H, huyện H, thành phố Đ. Bà Đ có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H. Sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn Y 2, xã H, huyện H, thành phố Đ. Hiện đang cai nghiện tập trung tại cơ sở Xã hội Bầu Bàng, thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Thu T. Sinh năm 1964; địa chỉ: 154/20 đường L, phường T, quận H, thành phố Đ, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn là bà Phạm Thị Minh Đ và người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Bích D thống nhất trình bày:* Theo Quyết định thi hành án số: 973/QĐ-CCTHADS ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, ông Huỳnh Ngọc A có nghĩa vụ phải trả cho bà Phạm Thị Minh Đ số tiền 179.140.000 đồng và tiền lãi chậm trả. Tổng cộng là 199.140.000 đồng. Tuy nhiên, ông A vẫn không trả cho bà bất kỳ số tiền nào. Ngày 31/5/2019, bà đã ký giấy ủy quyền để cho ông Huỳnh Văn H thay mặt bà liên hệ với ông Huỳnh Ngọc A để lấy số tiền trên. Đồng thời, để đảm bảo cho sự thỏa thuận giữa hai bên thì vào ngày 01/6/2019, ông H đã tự tay viết giấy cam kết với nội dung xác nhận được bà ủy quyền để lấy số tiền 199.140.000 đồng từ ông A và cam kết sau khi nhận được tiền sẽ trả đủ cho bà. Vào ngày 01/6/2019, mẹ ruột của ông A là bà Nguyễn Thị Thu T đã đồng ý trả tiền thay cho con trai và bà T đã giao trả cho ông H tổng số tiền là: 179.000.000 đồng. Sau khi giao nhận tiền thì ông H và bà T đã lập giấy nhận tiền với nội dung xác nhận bà T đã giao đủ cho ông H số tiền 179.000.000 đồng. Bản chính giấy giao nhận tiền này hiện tại bà T là người đang giữ. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền từ bà T thì ông H không chịu giao trả lại cho bà Đ theo đúng nội dung tại giấy cam kết ngày 01/6/2019. Bà Đ đã nhiều lần liên hệ, gặp mặt yêu cầu ông H giao trả tiền nhưng ông H vẫn cố tình chây ỳ, lẩn tránh nhằm chiếm đoạt số tiền trên của bà. Sau nhiều lần đòi tiền liên tục thì ông H chỉ mới trả cho bà số tiền là 45.000.000 đồng, số tiền còn lại là 134.000.000 đồng thì ông H không chịu giao trả lại cho bà. Do đó, bà yêu cầu buộc ông Huỳnh Văn H trả lại cho bà số tiền là 134.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 02/6/2019 đến ngày 25/11/2021 trên tổng số tiền 134.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/năm là 33.298.082 đồng.

- *Bị đơn là ông Huỳnh Văn H trình bày:* Tại giai đoạn phúc thẩm, ông H thừa nhận số tiền 179.000.000 đồng là số tiền bà Đ nhờ ông thu hồi nợ nhưng ông thu được 90.000.000 đồng và ông đã giao lại cho bà Đ 45.000.000 đồng, còn 45.000.000 đồng là tiền chi phí và thưởng công ông đòi tiền. Cấp sơ thẩm căn cứ buộc ông trả 179.000.000 đồng là không đúng nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Đ. Ông hiện nay đang cai nghiện tập trung tại cơ sở Xã hội Bàu Bàng, thành phố Đà Nẵng nên ông đề nghị xét xử vắng mặt ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thu T trình bày:* Bà xác định có giao cho ông Huỳnh Văn H số tiền 179.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án. Đây là số tiền bà thay mặt ông Huỳnh Ngọc A thực hiện nghĩa vụ thi hành án đối với bà Phạm Thị Minh Đ theo Quyết định thi hành án số 973/QĐ-CCTHADS ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu. Việc giao tiền cho ông H là dựa trên giấy ủy quyền mà bà Đ đã ủy quyền cho ông H lấy khoản

tiền mà ông A (con bà T) phải thi hành án và khi nhận tiền từ bà T thì ông H đã viết giấy nhận tiền và giao cho bà.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DSST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định: Căn cứ vào các Điều 278, 280, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh Đ đối với ông Huỳnh Văn H về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Xử: Buộc ông Huỳnh Văn H phải trả cho bà Phạm Thị Minh Đ số tiền gốc là 134.000.000 đồng và tiền lãi là 33.298.082 đồng. Tổng cộng là 167.298.082 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn H phải chịu theo qui định của pháp luật là 8.364.904 đồng. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Minh Đ số tiền tạm ứng án phí 3.948.410 đồng đã nộp tại biên lai thu 0008172 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/3/2022, ông Huỳnh Văn H có đơn gửi đến Tòa án kháng cáo quá hạn toàn bộ bản án sơ thẩm do hiện nay ông đang tập trung cải thiện tại Cơ sở xã hội Bàu Bàng thành phố Đà Nẵng nên ông không nhận được bản án sơ thẩm nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Ngày 25/4/2022, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng chấp nhận việc kháng cáo quá hạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là ông Huỳnh Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Ngoài ra, bà

Phạm Thị Minh Đ chấm dứt ủy quyền đối với bà Nguyễn Thị Bích D và đề nghị trực tiếp tham gia tố tụng, xét phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Văn H thì thấy: Vào ngày 31/5/2019, bà Phạm Thị Minh Đ đã ký giấy ủy quyền để cho ông Huỳnh Văn H thay mặt bà liên hệ với ông Huỳnh Ngọc A để lấy số tiền mà ông A có nghĩa vụ phải trả cho bà theo Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 973/QĐ-CCTHADS ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, tp Đà Nẵng, bao gồm cả tiền gốc 179.140.000 đồng và tiền lãi chậm trả kèm theo. Tổng cộng là: 199.140.000 đồng. Đồng thời, cùng ngày, ông H đã cam kết với nội dung xác nhận được bà Đ ủy quyền để lấy số tiền 199.140.000 đồng từ ông A và cam kết sau khi nhận được tiền sẽ trả đủ cho bà. Ngày 01/6/2019, mẹ ruột của ông A là bà Nguyễn Thị Thu T đã đồng ý trả tiền thay cho con trai. Theo bà T đã giao trả cho ông H tổng số tiền là: 179.000.000 đồng. Sau khi giao nhận tiền thì ông H và bà T đã lập giấy nhận tiền với nội dung xác nhận bà T đã giao đủ cho ông H đủ số tiền trên. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền từ bà T, ông H không giao trả lại cho bà Đ theo đúng nội dung tại giấy cam kết ngày 01/6/2019. Hiện nay ông H cho rằng ông thu hồi được 90.000.000 đồng được ghi nhận tại Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông đã bàn giao cho bà Đ 45.000.000 đồng, còn 45.000.000 đồng là tiền chi phí và thưởng công đòi tiền. Qua điều tra xác minh, Công an quận Hải Châu đã cung cấp thông tin sau khi nhận đơn tố cáo của bà Đ, Công an quận Hải Châu xem xét và xác định không có yếu tố hình sự nên đã hướng dẫn bà Đ khởi kiện vụ án dân sự. Bà T giao số tiền cho ông Huỳnh Văn H tại Đội Cảnh sát hình sự Công an quận Hải Châu là không đúng. Việc bà T có thỏa thuận cho ông H số tiền 45.000.000 đồng như ông H khai nại hay không, Công an quận Hải Châu không biết. Mặt khác, tại giấy ủy quyền không có thỏa thuận nào liên quan đến chi phí thù lao hay công thưởng khi ông H thu được tiền. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Đ cho rằng trước đây đã cho ông H rất nhiều lần. Việc ông H thu được tiền nhưng đã lần tránh 2 năm nay làm cho bà thiệt hại rất nhiều nên bà không đồng ý giảm lãi. Do đó, căn cứ vào chứng cứ ông Huỳnh Văn H xác nhận nhận đủ số tiền từ bà T, cấp sơ thẩm đã xác định ông H nhận từ bà T số tiền 179.000.000 đồng. Bà Đ thừa nhận ông H có trả cho bà số tiền là 45.000.000 đồng, số tiền còn lại buộc ông H phải trả cho bà Đ là 134.000.000 đồng là có cơ sở. Đồng thời buộc ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ trả tiền lãi tính từ ngày 02/6/2019 đến ngày 25/11/2021 là 33.298.082 đồng. Tổng cộng là 167.298.082 đồng là đúng pháp luật nên chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, HĐXX không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H.

[4] Về án phí DSST: Ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông Huỳnh Văn H phải chịu án phí DSPT.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Văn H. Buộc ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Minh Đ số tiền gốc 134.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/6/2019 đến ngày 25/11/2021 là 33.298.082 đồng. Tổng cộng là 167.298.082 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, 278, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2021/DSST ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

2.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Minh Đ đối với ông Huỳnh Văn H về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Tuyên xử: Buộc ông Huỳnh Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Minh Đ số tiền gốc 134.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/6/2019 đến ngày 25/11/2021 là 33.298.082 đồng. Tổng cộng là 167.298.082 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.2. Án phí DSST: Ông Huỳnh Văn H phải chịu 8.364.904 đồng. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Minh Đ số tiền tạm ứng án phí 3.948.410 đồng đã nộp tại biên lai thu 0008172 ngày 23/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

2.3. Án phí DSPT: Ông Huỳnh Văn H phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004371 ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Chi cục THA dân sự huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé